

Số: 04 /NQ-UBBC

Phường Trần Nhân Tông, ngày 19 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc công bố kết quả bầu cử và danh sách chính thức những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phường Trần Nhân Tông khóa II, nhiệm kỳ 2026 - 2031

ỦY BAN BẦU CỬ PHƯỜNG TRẦN NHÂN TÔNG

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2025;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 83/2025/QH15 ngày 24/6/2025;

Căn cứ Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân phường Trần Nhân Tông khóa II, nhiệm kỳ 2026-2031 của Ủy ban bầu cử phường Trần Nhân Tông ngày 16/3/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phường Trần Nhân Tông khóa II, nhiệm kỳ 2026-2031 (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Trần Nhân Tông; các tổ chức phụ trách bầu cử, các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./. y

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ;
- UBBC thành phố;
- TT Đảng ủy phường;
- TT HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- UBMTTQ phường;
- Các thành viên UBBC phường;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: UBBC.

TM. ỦY BAN BẦU CỬ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Sáng

**KẾT QUẢ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG
TRẦN NHÂN TÔNG KHÓA II, NHIỆM KỲ 2026 – 2031**

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-UBBC ngày 19/03/2026 của Ủy ban bầu cử
phường Trần Nhân Tông)

| STT | Đơn vị bầu cử | Đơn vị bầu cử | Số phiếu bầu | Tỷ lệ % so với tổng số hợp lệ |
|-----|--------------------|--------------------------|--------------|-------------------------------|
| 1 | Đơn vị bầu cử số 1 | 1. Ông Nguyễn Văn Hưng | 3801 | 98.80% |
| | | 2. Ông Nguyễn Văn Hữu | 3328 | 86.51% |
| | | 3. Ông Đồng Văn Lan | 3597 | 93.50% |
| | | 4. Bà Hoàng Thị Thu | 144 | 3.74% |
| | | 5. Ông Nguyễn Khánh Toàn | 183 | 4.76% |
| 2 | Đơn vị bầu cử số 2 | 1. Bà Lê Thị Dương | 3046 | 95.55% |
| | | 2. Bà Nguyễn Thị Hương | 176 | 5.52% |
| | | 3. Ông Phùng Văn Mạnh | 3148 | 98.75% |
| | | 4. Bà Nguyễn Thị Phúc | 130 | 4.08% |
| | | 5. Ông Ngô Thanh Trịnh | 3061 | 96.02% |
| 3 | Đơn vị bầu cử số 3 | 1. Ông Phùng Hải Đăng | 2804 | 92.12% |
| | | 2. Bà Nguyễn Thị Huệ | 359 | 11.79% |
| | | 3. Ông Lê Văn Phận | 2638 | 86.66% |
| | | 4. Bà Nguyễn Thị Quế | 2971 | 97.60% |
| | | 5. Bà Phạm Thị Trang | 262 | 8.61% |
| 4 | Đơn vị bầu cử số 4 | 1. Ông Nguyễn Hoài Bắc | 2532 | 98.56% |
| | | 2. Bà Đỗ Thị Tâm | 2528 | 98.40% |
| | | 3. Bà Ngô Thị Thảo | 49 | 1.91% |
| 5 | Đơn vị bầu cử số 5 | 1. Bà Phạm Vân Anh | 131 | 6.59% |
| | | 2. Ông Nguyễn Văn Dương | 1898 | 95.52% |
| | | 3. Ông Nguyễn Hồng Sáng | 1915 | 96.38% |
| 6 | Đơn vị bầu cử số 6 | 1. Ông Trần Văn Duy | 228 | 7.43% |
| | | 2. Bà Phạm Thị Hoài | 222 | 7.23% |
| | | 3. Ông Nguyễn Minh Quyết | 3023 | 98.5% |
| | | 4. Ông Đặng Ngọc Quỳnh | 2815 | 91.72% |
| | | 5. Ông Nguyễn Đức Thịnh | 2830 | 92.21% |



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI TRÚNG CỬ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG TRẦN NHÂN TÔNG, KHÓA II
NHIỆM KỲ 2026-2031**

(Kèm theo Nghị quyết số **04** /NQ-UBBC ngày 19/03/2026 của Ủy ban bầu cử phường Trần Nhân Tông)

| STT | Họ và tên | Đơn vị bầu cử | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Tôn giáo | Quê quán | Nơi ở hiện nay | Trình độ | | | | | Nghề nghiệp, chức vụ | Nơi công tác | Ngày vào Đảng (nếu có) | Là đại biểu HĐND (nếu có) | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------|---------------------|-----------|-----------|---------|----------|--|---|--------------------|--|---|-------------------|-----------------------|---|--|------------------------|---|---------|
| | | | | | | | | | | Giáo dục phổ thông | Chuyên môn, nghiệp vụ | Học hàm, học vị | Lý luận chính trị | Ngoại ngữ | | | | | |
| 1 | Nguyễn Hoài Bắc | 04 | 17/07/1976 | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Xã Trần Thương, tỉnh Ninh Bình | Tổ dân phố Trần Hưng Đạo, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng | 12/12 | Đại học ngành Kinh tế nông nghiệp | Không | Trung cấp | Tiếng Anh trình độ B1 | Cán bộ, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Trần Nhân Tông | Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Trần Nhân Tông | 07/06/2003 | Thị trấn Sao Đỏ nhiệm kỳ 2004-2011; Phường Sao Đỏ nhiệm kỳ 2011-2016, nhiệm kỳ 2016-2021; nhiệm kỳ 2021-2026; Phường Trần Nhân Tông khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026. | |
| 2 | Phùng Hải Đăng | 03 | 20/08/1984 | Nam | Việt Nam | Sán Diu | Không | Phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng | Tổ dân phố Đại Tân, Phường Trần Nhân Tông, Thành phố Hải Phòng | 12/12 | Đại học ngành Công tác xã hội | Không | Trung cấp | Tiếng Anh trình độ B | Cán bộ, Phó Trưởng ban Kinh tế - Ngân sách | Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân phường Trần Nhân Tông | 15/09/2007 | Phường Hoàng Tân nhiệm kỳ 2016-2021, nhiệm kỳ 2021-2026; Phường Trần Nhân Tông khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 | |
| 3 | Lê Thị Dương | 02 | 08/06/1984 | Nữ | Việt Nam | Kinh | Không | Thôn 1, xã Mao Điền, thành phố Hải Phòng | Số nhà 499, Tổ dân phố Thái Học 3, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng | 12/12 | Đại học ngành Luật hành chính nhà nước | Thạc sĩ ngành xây dựng đảng và chính quyền nhà nước | Cao cấp | Tiếng Anh trình độ C | Cán bộ, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân | Hội đồng nhân dân phường Trần Nhân Tông | 09/05/2010 | Phường Trần Nhân Tông khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 | |
| 4 | Nguyễn Văn Dương | 05 | 01/06/1969 | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng | Tổ dân phố Trung Tâm, phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng | 12/12 | Đại học ngành Công tác xã hội | Không | Trung cấp | Tiếng Anh trình độ B | Cán bộ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Trần Nhân Tông | Ủy ban nhân dân phường Trần Nhân Tông | 05/10/1995 | Xã Hoàng Tiến nhiệm kỳ 2011-2016; phường Hoàng Tiến nhiệm kỳ 2016 - 2021, nhiệm kỳ 2021-2026; Phường Trần Nhân Tông khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 | |



| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----|-------------------|----|------------|-----|----------|------|-------|--|--|-------|---|---|-----------|---|--|---|------------|--|
| 11 | Nguyễn Minh Quyết | 06 | 02/10/1975 | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Tổ dân phố Ngọc Trì, Phường Ai Quốc, thành phố Hải Phòng | Nguyễn Trãi 2, Phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng | 12/12 | Đại học ngành Cảnh sát điều tra hình sự | Thạc sĩ ngành Cảnh sát điều tra hình sự | Cao cấp | Tiếng anh trình độ B | Công an nhân dân, Trưởng Công an phường Trần Nhân Tông | Công an phường Trần Nhân Tông | 08/08/1999 | Phường Thái Học nhiệm kỳ năm 2011-2016 |
| 12 | Đặng Ngọc Quỳnh | 06 | 01/07/1989 | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng | Số 1, Ngách 12, Ngõ 42, TDP Trại Trống, Phường Trần Nhân Tông, Thành phố Hải Phòng | 12/12 | Không | Không | Sơ cấp | Tiếng Anh trình độ A | Cán bộ, Bí thư Chi bộ, Tổ trưởng Tổ dân phố Trại Trống | Tổ dân phố Trại Trống, phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng | 01/12/2014 | Phường Hoàng Tiến nhiệm kỳ 2021-2026; Phường Trần Nhân Tông khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 |
| 13 | Nguyễn Hồng Sáng | 05 | 01/04/1985 | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Phường Việt Hoà, thành phố Hải Phòng | Số 322 Ngõ Quyền, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng | 12/12 | Đại học ngành Sư phạm Giáo dục thể chất | Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh | Cao cấp | Cử nhân Ngôn ngữ Anh | Cán bộ, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Trần Nhân Tông | Đảng ủy phường Trần Nhân Tông | 07/10/2009 | Tỉnh Hải Dương khóa XVI nhiệm kỳ 2021 - 2026; Phường Trần Nhân Tông khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 |
| 14 | Đỗ Thị Tâm | 04 | 25/01/1980 | Nữ | Việt Nam | Kinh | Không | Tổ dân phố Đoàn, Phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng | Ngõ 19, đường Xuân Diệu, TDP Thái Học 3, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng | 12/12 | Đại học ngành Tài chính ngân hàng | Không | Cao cấp | Tiếng Anh trình độ B1 | Cán bộ, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân phường Trần Nhân Tông | Ủy ban nhân dân phường Trần Nhân Tông | 10/01/2006 | |
| 15 | Nguyễn Đức Thịnh | 06 | 18/08/1982 | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | Phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng | Phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng | 12/12 | Đại học ngành Kinh tế Nông nghiệp; Đại học ngành Luật | Thạc sĩ Quản lý kinh tế | Trung cấp | Tiếng Anh TOEIC, B1 (tương đương khung Châu Âu) | Cán bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Trưởng ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường | Ủy ban Kiểm Tra Đảng ủy phường Trần Nhân Tông | 28/11/2004 | Xã Tân Dân nhiệm kỳ 2011-2016; Phường Tân Dân nhiệm kỳ 2016-2021, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Phường Trần Nhân Tông khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 |
| 16 | Ngô Thanh Trịnh | 02 | 20/01/1987 | Nam | Việt Nam | Kinh | Không | xã Khúc Thừa Dụ, thành phố Hải Phòng | Phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng | 12/12 | Đại học ngành Chỉ huy tham mưu, bộ binh | Không | Sơ cấp | Bộ đội, Chi Huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự | Ban Chỉ huy quân sự phường Trần Nhân Tông | 05/04/2010 | | |